

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

đã được kiểm toán



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	5 – 34
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 34

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình tiền thân là Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình được thành lập theo Quyết định số 876/1998/QĐ/TCCB-LĐ ngày 17 tháng 4 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình được chuyển đổi thành Công ty Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình theo Quyết định số 734/2003/QĐ-GTVT ngày 20 tháng 3 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình theo Quyết định số 713/QĐ-ĐS ngày 29 tháng 6 năm 2010 của Tổng Công ty đường sắt Việt Nam và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100259405 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 01 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100259405 ngày 08 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình giao thông đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động;
- Khai thác, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm từ đá;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, du lịch.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 02 đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Thái Linh	Chủ tịch
Ông Mai Văn Tân	Ủy viên
Ông Lê Công Đệ	Ủy viên

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Mai Văn Tân	Giám đốc
Ông Lê Công Đệ	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Bình Định, ngày 24 tháng 02 năm 2018
TM. Ban Giám đốc
Giám đốc



(Handwritten signature in blue ink)

Mai Văn Tân

Số: 50./2018/BCKT-TC2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình, được lập ngày 24 tháng 02 năm 2018, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2018

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc

Mai Văn Công

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2920-2014-152-1

Kiểm toán viên


Lại Trường Dương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3392-2015-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 / Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohem@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

Add: Room 12.8, M5 Building, 91 Nguyen Chi Thanh Str.,
Dong Da Dist., Hanoi / Tel: (84-4) 3244.40.44
Fax: (84-4) 3244.40.45 / Email: info@namvietn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		48.172.105.330	52.456.693.619
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.355.842.068	10.336.108.216
1.	Tiền	111	V.01	5.355.842.068	10.336.108.216
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.572.130.416	36.088.122.378
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	36.859.176.724	32.976.806.430
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		57.750.000	57.750.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	2.225.751.692	3.053.565.948
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(570.548.000)	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.05	4.244.132.846	6.032.463.025
1.	Hàng tồn kho	141		4.244.132.846	6.032.463.025
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.861.925.845	13.365.374.015
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
II.	Tài sản cố định	220		10.971.166.805	10.032.049.515
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	10.971.166.805	10.032.049.515
	- Nguyên giá	222		24.754.806.726	22.366.379.152
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(13.783.639.921)	(12.334.329.637)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		2.890.759.040	3.333.324.500
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	2.890.759.040	3.333.324.500
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		62.034.031.175	65.822.067.634

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

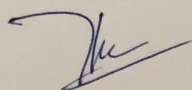
Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

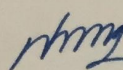
STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		40.184.405.145	44.281.585.233
I.	Nợ ngắn hạn	310		39.972.746.895	42.330.990.573
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	13.884.559.926	16.804.198.651
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	2.786.159.661	2.395.006.585
4.	Phải trả người lao động	314		19.712.343.085	16.811.946.201
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	105.000.000	105.000.000
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	2.895.018.660	5.266.906.974
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		589.665.563	947.932.162
II.	Nợ dài hạn	330		211.658.250	1.950.594.660
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.12	125.258.250	1.799.394.660
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.08	86.400.000	151.200.000
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		21.849.626.030	21.540.482.401
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.13	21.849.626.030	21.540.482.401
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.060.000.000	18.060.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.060.000.000	18.060.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		882.718.000	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.906.908.030	3.480.482.401
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		2.906.908.030	3.480.482.401
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		62.034.031.175	65.822.067.634

Người lập biểu



Võ Thị Thu Hằng

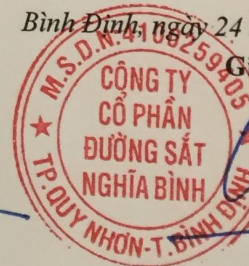
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Nhung

Bình Định, ngày 24 tháng 02 năm 2018

Giám đốc



Mai Văn Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	130.192.660.679	126.854.518.623
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		130.192.660.679	126.854.518.623
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	113.218.839.105	110.986.668.899
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.973.821.574	15.867.849.724
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	869.144.744	772.838.687
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	19.429.333	14.871.451
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		19.429.333	14.871.451
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	522.584.846	534.118.469
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	13.111.757.458	11.665.562.283
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.189.194.681	4.426.136.208
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	9.000.000	776.013
12.	Chi phí khác	32	VI.06	319.443.790	61.047.376
13.	Lợi nhuận khác	40		(310.443.790)	(60.271.363)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.878.750.891	4.365.864.845
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	971.842.861	885.382.444
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.906.908.030	3.480.482.401
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	1.610	1.239
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.610	1.239

Bình Định, ngày 24 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Võ Thị Thu Hằng

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Mai Văn Tân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		137.815.738.557	139.517.449.683
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(70.074.824.828)	(72.963.663.853)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(57.956.286.404)	(56.464.812.260)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(19.429.333)	(14.871.451)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(1.014.799.150)	(584.580.393)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		647.963.618	2.862.786.749
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(11.440.045.778)	(12.376.531.152)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.041.683.318)	(24.222.677)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(2.388.427.574)	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		869.144.744	772.838.687
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.519.282.830)	772.838.687

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		2.000.000.000	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.064.800.000)	(64.800.000)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.354.500.000)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.419.300.000)	(64.800.000)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.980.266.148)	683.816.010
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		10.336.108.216	9.652.292.206
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		5.355.842.068	10.336.108.216

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bình Định, ngày 24 tháng 02 năm 2018

Giám đốc



Võ Thị Thu Hằng

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Mai Văn Tân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình giao thông đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động;
- Khai thác, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm từ đá;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, du lịch.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 02 đơn vị thành viên là chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình – Xí nghiệp xây dựng công trình	Số 02, đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình – Trung tâm dịch vụ và văn hóa thể thao Đường sắt	Số 02, đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 37 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07 năm

05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm kể từ khi Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần.

06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

07. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

08. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và giá vốn của sản phẩm xây lắp bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	169.571.717	78.060.950
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.186.270.351	10.258.047.266
Cộng	<u>5.355.842.068</u>	<u>10.336.108.216</u>

02. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	<u>36.859.176.724</u>	<u>32.976.806.430</u>
- Công ty Cổ phần Công trình Thành Phát	2.525.117.100	3.520.901.300
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	25.966.080.166	13.608.396.180
- Công ty Cổ phần công trình 875	3.634.991.000	4.134.991.000
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	-	3.686.185.000
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	4.732.988.458	8.026.332.950
Cộng	<u>36.859.176.724</u>	<u>32.976.806.430</u>

b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	<u>25.966.080.166</u>	<u>21.026.583.180</u>
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	25.966.080.166	13.608.396.180
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	-	3.686.185.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Đà Nẵng	-	2.715.332.000
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình đường sắt	-	1.016.670.000
Cộng	<u>25.966.080.166</u>	<u>21.026.583.180</u>

03. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Ngắn hạn	<u>2.225.751.692</u>	-	<u>3.053.565.948</u>	-
- Phải thu về cổ phần hoá	-	-	500.000.000	-
- Tạm ứng	144.000.000	-	861.399.200	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	155.377.350	-	97.577.350	-
- Phải thu khác	1.926.374.342	-	1.594.589.398	-
+ Phải thu CBCNV – BHXH	372.710.842	-	392.334.967	-
+ Phải thu CBCNV - BHYT	75.007.300	-	76.873.300	-
+ Phải thu CBCNV - BHTN	49.333.400	-	51.035.700	-
+ Phải thu CBCNV (Thuế TNCN)	212.900.416	-	93.526.299	-
+ Các khoản phải thu khác	1.216.422.384	-	980.819.132	-
Cộng	<u>2.225.751.692</u>	-	<u>3.053.565.948</u>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
- Công ty Cổ phần thống nhất 508	1.140.916.000	570.368.000	-	-
Cộng	1.140.916.000	570.368.000	-	-

05. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
- Nguyên liệu, vật liệu	2.434.236.086	-	2.664.945.173	-
- Công cụ, dụng cụ	24.325.976	-	55.688.177	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.760.993.108	-	3.283.595.060	-
- Thành phẩm	19.382.702	-	19.382.702	-
- Hàng hóa	5.194.974	-	8.851.913	-
Cộng	4.244.132.846	-	6.032.463.025	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>10.498.998.983</i>	<i>2.658.921.696</i>	<i>9.172.572.109</i>	<i>35.886.364</i>	<i>22.366.379.152</i>
- Mua trong năm	-	1.082.100.000	-	-	1.082.100.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.306.327.574	-	-	-	1.306.327.574
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>11.805.326.557</i>	<i>3.741.021.696</i>	<i>9.172.572.109</i>	<i>35.886.364</i>	<i>24.754.806.726</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>6.247.455.017</i>	<i>2.066.671.156</i>	<i>3.990.263.981</i>	<i>29.939.483</i>	<i>12.334.329.637</i>
- Khấu hao trong năm	500.711.524	193.677.672	753.434.368	1.486.720	1.449.310.284
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>6.748.166.541</i>	<i>2.260.348.828</i>	<i>4.743.698.349</i>	<i>31.426.203</i>	<i>13.783.639.921</i>
III. Giá trị còn lại					
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>4.251.543.966</i>	<i>592.250.540</i>	<i>5.182.308.128</i>	<i>5.946.881</i>	<i>10.032.049.515</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>5.057.160.016</i>	<i>1.480.672.868</i>	<i>4.428.873.760</i>	<i>4.460.161</i>	<i>10.971.166.805</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí trả trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dài hạn	2.890.759.040	3.333.324.500
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	86.447.169	151.282.541
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	96.221.363	135.440.137
- Giá trị lợi thế kinh doanh	2.708.090.508	3.046.601.822
Cộng	<u>2.890.759.040</u>	<u>3.333.324.500</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
- Vay ngân hàng	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
b. Vay dài hạn	151.200.000	151.200.000	-	64.800.000	86.400.000	86.400.000
- Từ 01 đến 05 năm	151.200.000	151.200.000	-	64.800.000	86.400.000	86.400.000
+ Vay CBCNV Công ty (*)	151.200.000	151.200.000	-	64.800.000	86.400.000	86.400.000
Cộng	151.200.000	151.200.000	2.000.000.000	2.064.800.000	86.400.000	86.400.000

(*) Các khoản vay cá nhân có thời hạn 05 năm kể từ ngày 10/07/2014, lãi suất bằng lãi suất cho vay của ngân hàng tại từng thời điểm. Mục đích của các khoản vay là để sửa chữa nhà hàng của Trung tâm dịch vụ văn hóa Thể thao Đường sắt. Thời hạn trả lãi vay và gốc theo yêu cầu rút gốc của từng cá nhân.

09. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	13.884.559.926	13.884.559.926	16.804.198.651	16.804.198.651
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình đường sắt	4.236.260.000	4.236.260.000	-	-
- Công ty Chế biến Lâm sản Nghệ An	2.174.152.393	2.174.152.393	1.787.650.599	1.787.650.599
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đường sắt Đà Nẵng	1.571.446.000	1.571.446.000	2.579.710.950	2.579.710.950
- Công ty Cổ phần Công trình 6	1.776.680.000	1.776.680.000	2.652.472.000	2.652.472.000
- Công ty TNHH MTV Vật tư đường sắt Đà Nẵng	1.071.741.600	1.071.741.600	2.241.760.000	2.241.760.000
- Công ty Cổ phần Thương mại và Tư vấn Tân Cơ	-	-	4.867.965.305	4.867.965.305
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	3.054.279.933	3.054.279.933	2.674.639.797	2.674.639.797
Cộng	13.884.559.926	13.884.559.926	16.804.198.651	16.804.198.651

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Phải trả người bán là các bên liên quan

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	-	-	3.638.701.000	3.638.701.000
- Công ty Cổ phần Công trình 6	-	-	2.652.472.000	2.652.472.000
- Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	-	-	986.229.000	986.229.000
Cộng	-	-	3.638.701.000	3.638.701.000

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT đầu ra	-	1.696.358.613	8.624.334.073	8.312.063.563	-	2.008.629.123
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	606.011.298	971.842.861	1.014.799.150	-	563.055.009
- Thuế thu nhập cá nhân	-	92.636.674	248.550.408	126.711.553	-	214.475.529
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	413.731.625	413.731.625	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	77.777.451	77.777.451	-	-
Cộng	-	2.395.006.585	10.342.236.418	9.951.083.342	-	2.786.159.661

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngắn hạn</i>	<i>105.000.000</i>	<i>105.000.000</i>
- Các khoản trích trước khác	105.000.000	105.000.000
Cộng	105.000.000	105.000.000

12. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a. Ngắn hạn</i>	<i>2.895.018.660</i>	<i>5.266.906.974</i>
- Phải trả về cổ phần hoá	-	698.367.836
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.895.018.660	4.568.539.138
+ <i>Tổng Công ty đường sắt Việt Nam</i>	<i>2.693.879.110</i>	<i>4.437.291.138</i>
+ <i>Các đối tượng khác</i>	<i>201.139.550</i>	<i>131.248.000</i>
<i>b. Dài hạn</i>	<i>125.258.250</i>	<i>1.799.394.660</i>
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	125.258.250	1.799.394.660
+ <i>Tổng Công ty đường sắt Việt Nam</i>	<i>125.258.250</i>	<i>1.799.394.660</i>
Cộng	3.020.276.910	7.066.301.634

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	7.160.247.863	7.568.228.828	-	-	14.728.476.691
- Tăng vốn trong năm trước	10.899.752.137	-	-	-	10.899.752.137
- Lãi trong năm trước	-	-	-	3.480.482.401	3.480.482.401
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	(7.568.228.828)	-	-	(7.568.228.828)
- Phân phối lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	18.060.000.000	-	-	3.480.482.401	21.540.482.401
Số dư đầu năm nay	18.060.000.000	-	-	3.480.482.401	21.540.482.401
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	2.906.908.030	2.906.908.030
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận trong năm nay (*)	-	-	882.718.000	(3.480.482.401)	(2.597.764.401)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	18.060.000.000	-	882.718.000	2.906.908.030	21.849.626.030

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(*): Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 03/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Công ty Cổ phần đường sắt Nghĩa Bình. Cụ thể như sau:

	Số tiền
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	882.718.000
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.030.264.401
- Trích quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành	213.000.000
- Trích cổ tức chi trả	1.354.500.000
Tổng phân phối lợi nhuận	3.480.482.401

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	9.210.600.000	51%	9.210.600.000	51%
- Các cổ đông khác	8.849.400.000	49%	8.849.400.000	49%
Cộng	18.060.000.000	100%	18.060.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	18.060.000.000	7.160.247.863
+ Vốn góp tăng trong năm	-	10.899.752.137
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	18.060.000.000	18.060.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	1.354.500.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.806.000	1.806.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.806.000	1.806.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.806.000	1.806.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.806.000	1.806.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.806.000	1.806.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	1.806.000	1.806.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán***Vật tư nhận giữ hộ (vật tư cũ thu hồi) Tổng Công ty đường sắt Việt Nam*

Tên vật tư, quy cách	Đơn vị tính	Số cuối năm	
		Số lượng	Trọng lượng quy đổi (kg)
Ray P43 L=12,5 PL	Thanh	318	135.250
Ray P43 PL	m	25	850
Lập lách P43 PL	Bộ	324	4.536
Xương ghi tg 1/10 l=20,21m PL	Bộ	1	4.500
Xương ghi tg 1/10 l=19,997m PL	Bộ	2	8.200
Tâm ghi Tg 1/9 P50 PL	Cái	4	2.160
Bu Lông các loại PL	Cái	34833	10.450
Cóc các loại PL	Cái	33.563	10.069
Đinh Tiaraphong PL	Cái	6.451	1.935
Đinh Cramphong PL	Cái	4.187	1.047
Căn sắt các loại PL	Cái	21.927	8.771
Tà vẹt sắt PL	Thanh	4.079	81.580
Tà vẹt bê tông các loại PL	Thanh	7.300	109.500

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Đơn vị tính: VND***01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	119.793.205.792	115.541.431.348
Doanh thu hợp đồng xây dựng	10.399.454.887	11.313.087.275
Cộng	130.192.660.679	126.854.518.623

Doanh thu đối với các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	117.555.756.391	115.859.755.265
+ Hoạt động quản lý bảo dưỡng thường xuyên	114.327.590.027	112.169.997.991
+ Công trình sửa chữa định kỳ > 500 triệu đồng	3.228.166.364	2.723.197.273
+ Nâng cấp cải tạo sửa chữa đường ngang	-	966.560.001
- Công ty Cổ phần đường sắt Phú Khánh	-	516.178.182
+ Nâng cấp cải tạo sửa chữa đường ngang	-	516.178.182
- Công ty CP Tổng Công ty Công trình đường sắt	-	924.245.455
+ Nâng cấp cải tạo sửa chữa đường ngang	-	924.245.455

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	102.862.449.886	100.996.177.878
Giá vốn của hoạt động xây dựng	10.356.389.219	9.990.491.021
Cộng	113.218.839.105	110.986.668.899

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	869.144.744	772.838.687
Cộng	869.144.744	772.838.687

04. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	19.429.333	14.871.451
Cộng	19.429.333	14.871.451

05. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản thu nhập khác	9.000.000	776.013
Cộng	9.000.000	776.013

06. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản phạt	77.777.451	-
- Chi phí cắt giảm công trình	234.876.339	30.147.376
- Các khoản chi phí khác	6.790.000	30.900.000
Cộng	319.443.790	61.047.376

07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	13.111.757.458	11.665.562.283
- Chi phí nhân viên quản lý	7.489.276.142	7.519.229.939
- Thuế, phí và lệ phí	349.910.297	418.685.216
- Chi phí dự phòng	570.548.000	-
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.702.023.019	3.727.647.128
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	522.584.846	534.118.469
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	522.584.846	534.118.469
Cộng	13.634.342.304	12.199.680.752

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	863.055.009	885.382.444
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	108.787.852	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	971.842.861	885.382.444

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(*): Chi tiết tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.878.750.891	4.365.864.845
- Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	2.250.181.066	61.047.376
+ Chi phí không được trừ	980.463.415	61.047.376
+ Giá vốn tương ứng doanh thu đã tính thuế năm trước	1.269.717.651	
- Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	1.813.656.911	-
+ Doanh thu đã tính thuế năm trước	1.746.174.452	-
+ Chênh lệch do áp dụng thuế suất khác của phần doanh thu đã tính thuế	67.482.459	-
- Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	4.315.275.046	4.426.912.221
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	863.055.009	885.382.444

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	2.906.908.030	3.480.482.401
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.906.908.030	3.480.482.401
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	1.243.264.401
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.806.000	1.806.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.610	1.239

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	2.906.908.030	3.480.482.401
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.906.908.030	3.480.482.401
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	1.243.264.401
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.806.000	1.806.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.610	1.239

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.514.510.558	36.577.775.764
- Chi phí nhân công	75.487.162.077	65.688.970.884
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.449.310.284	3.674.140.741
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.312.064.982	3.216.542.526
- Chi phí khác bằng tiền	11.996.983.556	11.999.376.280
Cộng	<u>125.330.579.457</u>	<u>121.156.806.195</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	2.164.186.825	1.717.466.298
Cộng	<u>2.164.186.825</u>	<u>1.717.466.298</u>

Qũy lương, thù lao Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) trong năm:

	<u>Năm nay</u>
- Lương của Chủ tịch HĐQT và thù lao thành viên HĐQT	408.000.000
- Lương của trưởng BKS và thù lao thành viên BKS	250.800.000
Cộng	<u>658.800.000</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Trung tâm Y tế Đường sắt	Đơn vị thành viên của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Vinh	Cùng Công ty mẹ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Công trình 6	Công ty mẹ nắm giữ 15,89% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình đường sắt	Công ty mẹ nắm giữ 48,04% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Đá Mỹ Trang	Công ty mẹ nắm giữ 44,44% vốn điều lệ

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục VI.01, các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Đơn vị tính: VND</u> <u>Năm trước</u>
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam		
- Trả cổ tức	690.795.000	-
- Trả phí quản lý theo tỷ lệ doanh thu		2.019.059.964
- Chi phí thuê nhà cung đường	376.744.659	-
- Thuê máy móc	2.281.704.160	2.406.919.973
- Giảm chi phí quản lý thường xuyên		116.907.700
- Bồi thường vật chất	6.790.000	30.900.000
Công ty Cổ phần Công trình 6		
- Mua vật tư	3.749.280.000	3.029.794.000
- Chi vận chuyển	-	199.726.000
Công ty Cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên		
- Thi công công trình	172.890.000	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải		
- Thuê máy kiểm tra cầu đường sắt	8.844.545	8.193.636
Công ty CP Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng		
- Thuê máy chèn	-	896.571.818
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn		
- Vận chuyển đá	-	587.250.000
Công ty Cổ phần Đá Mỹ Trang		
- Mua vật tư	907.331.815	1.013.359.088
Trung tâm Y tế Đường sắt		
- Khám sức khỏe định kỳ	133.800.000	118.000.000
Công ty CP Thông tin tín hiệu Đường sắt Vinh		
- Mua vật liệu thi công	-	484.872.338

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.02 và V.09, các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Đơn vị tính: VND</u> <u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam		
+ Phải thu về cổ phần hóa	-	500.000.000
Công nợ phải thu	-	500.000.000
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam		
+ Phải trả về cổ phần hóa	-	698.367.836
+ Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.693.879.110	4.437.291.138
+ Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	125.258.250	1.799.394.660
Công nợ phải trả	2.819.137.360	6.935.053.634

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính trong năm như sau:

- Xây dựng: Xây dựng các công trình đường sắt, đường bộ...
- Dịch vụ: Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, đảm bảo an toàn đường sắt, dịch vụ nhà hàng, cho thuê sân thể thao, bán vé tàu hỏa, máy bay, ...

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<u>Xây dựng</u>	<u>Dịch vụ</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	10.399.454.887	119.793.205.792	130.192.660.679
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	10.288.516.137	115.714.949.861	126.003.465.998
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	110.938.750	4.078.255.931	4.189.194.681
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	104.346.087	2.284.081.487	2.388.427.574
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	100.296.704	1.349.013.580	1.449.310.284
Số dư cuối năm nay			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.527.307.973	52.150.881.134	56.678.189.107
- Tài sản không phân bổ			5.355.842.068
	<u>4.527.307.973</u>	<u>52.150.881.134</u>	<u>62.034.031.175</u>
Tổng tài sản			
- Nợ phải trả bộ phận	3.162.725.962	36.432.013.620	39.594.739.582
- Nợ phải trả không phân bổ			589.665.563
Tổng nợ phải trả	<u>3.162.725.962</u>	<u>36.432.013.620</u>	<u>40.184.405.145</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<u>Xây dựng</u>	<u>Dịch vụ</u>	<u>Cộng</u>
Năm trước			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	11.313.087.275	115.541.431.348	126.854.518.623
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác			-
- Chi phí phân bổ	10.961.921.397	111.466.461.018	122.428.382.415
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	351.165.878	4.074.970.330	4.426.136.208
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn			-
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	129.251.791	1.320.058.493	1.449.310.284
Số dư cuối năm trước			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.948.325.911	50.537.633.507	55.485.959.418
- Tài sản không phân bổ			10.336.108.216
	4.948.325.911	50.537.633.507	65.822.067.634
Tổng tài sản	3.864.563.947	39.469.089.124	43.333.653.071
- Nợ phải trả bộ phận			947.932.162
- Nợ phải trả không phân bổ	3.864.563.947	39.469.089.124	44.281.585.233
Tổng nợ phải trả			

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính***Đơn vị tính: VND*

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.355.842.068	-	10.336.108.216	-	5.355.842.068	10.336.108.216
Phải thu khách hàng và phải thu khác	38.785.551.066	(570.548.000)	35.071.395.828	-	38.215.003.066	35.071.395.828
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	44.141.393.134	(570.548.000)	45.407.504.044	-	43.570.845.134	45.407.504.044

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	13.884.559.926	16.804.198.651	13.884.559.926	16.804.198.651
Vay và nợ	86.400.000	151.200.000	86.400.000	151.200.000
Chi phí phải trả	105.000.000	105.000.000	105.000.000	105.000.000
Các khoản phải trả khác	3.020.276.910	6.367.933.798	3.020.276.910	6.367.933.798
Cộng	17.096.236.836	23.428.332.449	17.096.236.836	23.428.332.449

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**05. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	13.884.559.926	-		13.884.559.926
Vay và nợ	-	86.400.000	-	86.400.000
Chi phí phải trả	105.000.000	-		105.000.000
Các khoản phải trả khác	2.895.018.660	125.258.250		3.020.276.910
Cộng	16.884.578.586	211.658.250	-	17.096.236.836
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	16.804.198.651	-	-	16.804.198.651
Vay và nợ	-	151.200.000	-	151.200.000
Chi phí phải trả	105.000.000	-	-	105.000.000
Các khoản phải trả khác	4.568.539.138	1.799.394.660	-	6.367.933.798
Cộng	21.477.737.789	1.950.594.660	-	23.428.332.449

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số 02 đường Phó Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

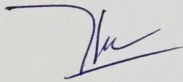
08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần đường sắt Nghĩa Bình đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

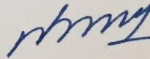
Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Võ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Nhung

Bình Định, ngày 24 tháng 02 năm 2018

Giám đốc



Mai Văn Tân